

NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH TÁC ĐỘNG ĐẾN SẢN XUẤT NGÔ BỀN VỮNG TẠI SON LA, VIỆT NAM

Đặng Thị Thanh Thủy^{1*}, Trần Minh Tiến², Oleg Nicetic³, Nguyễn Văn Hiếu¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu đã tiến hành tổng hợp và phân tích việc thực hiện 6 nhóm chính sách nông nghiệp (quy hoạch, đất đai, khuyến nông, tín dụng, khoa học công nghệ, thị trường) liên quan đến cây ngô ở cấp Trung ương và địa phương thông qua trường hợp nghiên cứu điển hình tại tỉnh Sơn La. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tại cấp Trung ương, chính sách liên quan đến phát triển bền vững cho cây ngô đã được lồng ghép một phần trong các chính sách quy hoạch phát triển nông nghiệp. Tại cấp địa phương, hiện không có chính sách riêng cho phát triển cây ngô. Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất ngô bền vững hiện không nhiều, đều là những quy định chung, nhiều điểm chưa phù hợp với đặc thù của địa phương hoặc cây trồng cụ thể như ngô. Từ các kết quả phân tích, một số khuyến nghị cụ thể cũng được đề xuất tới các nhà hoạch định chính sách để đảm bảo sự thành công các chiến lược liên quan đến sản xuất ngô bền vững mà Việt Nam đã đề ra.

Từ khóa: Chính sách nông nghiệp, sản xuất ngô bền vững, chính sách cây trồng.

1. BẬT VẤN ĐỀ

Đảm bảo an ninh lương thực và giảm tỷ lệ nghèo trong khi giữ cho sản xuất nông nghiệp bền vững là một trong các chương trình ưu tiên của Việt Nam [5]. Tại Việt Nam, từ năm 2004, ngô được xác định là một trong các loại cây trồng chủ lực của Quốc gia [1; 3], là nguồn thức ăn chính của gia súc và gia cầm.

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và PTNT, diện tích gieo trồng ngô trên toàn quốc năm 2020 đạt 955,5 nghìn ha (giảm khoảng 18,9% so với năm 2015), sản lượng ngô đạt 4,59 triệu tấn (giảm 13,1% so với năm 2015) [2]. Sản lượng ngô trong nước mới chỉ đáp ứng từ 40-50% nhu cầu tiêu thụ nội địa [9] vì vậy, hiện Việt Nam đang phải nhập khẩu lượng lớn ngô từ các nước khác. Việt Nam đang đứng thứ 9 trên thế giới về sản lượng ngô tiêu thụ và đứng thứ 4 trên thế giới về sản lượng ngô nhập khẩu [4; 11]. Năm 2010, sản lượng ngô nhập khẩu là 1,77 triệu tấn (bằng 38,49% sản lượng ngô sản xuất trong nước). Đến năm 2020, sản lượng ngô nhập khẩu đã lên tới 12,07 triệu tấn, gấp khoảng 6,8 lần so với năm 2010 và gấp khoảng 4 lần so với sản lượng ngô trong nước [13; 14].

Trong thời gian vừa qua, một số nghiên cứu về chính sách nông nghiệp của Việt Nam đã được các tổ chức trong nước và quốc tế thực hiện. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có nghiên cứu nào xem xét trường hợp cụ thể về các chính sách đối với cây ngô hoặc liên quan đến sản xuất nông nghiệp dựa vào cây ngô. Chính vì vậy, nghiên cứu này thông qua trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Sơn La sẽ cung cấp các cơ quan quản lý và chính quyền địa phương, các nhà nghiên cứu những phân tích về thực tiễn tình hình sản xuất ngô và tổng quan các chính sách có liên quan đến sản xuất nông nghiệp dựa trên cây ngô của Việt Nam, tình hình thực thi các chính sách tại địa phương. Đồng thời, đề xuất những phương án nhằm góp phần hạn chế những tồn tại trong quá trình thực thi chính sách và nâng cao chất lượng quản lý của các cơ quan xây dựng chính sách, cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

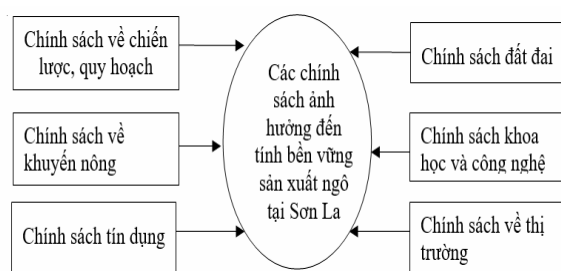
Phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng trong quá trình tổng hợp, phân tích các chính sách và báo cáo ở cấp Trung ương và địa phương liên quan đến ngô để lý giải và đánh giá tác động của các chính sách đến sản xuất ngô tại Việt Nam trong bối cảnh cụ thể tại Sơn La.

¹ Trung tâm Phát triển Nguồn nhân lực Tài nguyên và Môi trường, Việt Nam

² Viện Thổ nhưỡng Nông hóa

³ Trường Đại học Queensland, Úc

*Email: thuydang.cen@gmail.com



Hình 1. Mô hình nghiên cứu các chính sách tác động đến sản xuất ngô tại Sơn La

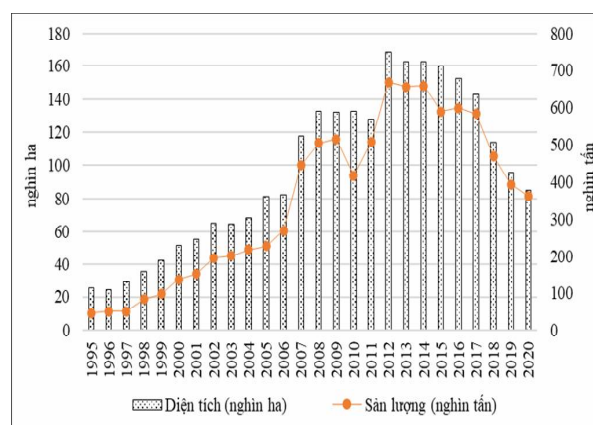
Phỏng vấn chuyên gia cũng được sử dụng trong nghiên cứu này để tìm hiểu thực trạng sản xuất và tiêu thụ ngô tại Sơn La, những phản hồi về các chính sách liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến sản xuất ngô trong quá trình triển khai trên thực tế tại địa phương. Theo đó, nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn cán bộ quản lý Sở Nông nghiệp và PTNT (NN&PTNT) và Chi cục Bảo vệ Thực vật tỉnh Sơn La, lãnh đạo và cán bộ quản lý Phòng Nông nghiệp huyện Mộc Châu và huyện Yên Châu, lãnh đạo xã Chiềng Hắc (huyện Mộc Châu), xã Yên Sơn (huyện Yên Châu) và 3 chuyên gia về chính sách nông nghiệp. Ngoài ra, người dân và đại diện các HTX, đoàn thể (xã Chiềng Hắc và xã Yên Sơn) cũng được tham vấn trực tiếp thông qua hình thức thảo luận nhóm.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình sản xuất ngô tại Sơn La

Sơn La một tỉnh miền núi nằm ở phía Tây Bắc của Việt Nam. Trong nhiều năm, ngô là cây trồng hàng đầu được trồng sau lúa [5]. Sản xuất ngô bao phủ hầu hết các địa phương trong tỉnh và thu hút sự quan tâm của nông dân, đặc biệt là các hộ nghèo tham gia sản xuất dù điều kiện cơ sở hạ tầng không thuận lợi. Trong giai đoạn 1995-2012, ngô được xem là cây lương thực chủ lực của tỉnh Sơn La. Nhờ mở rộng các diện tích ngô và tăng vụ, từ năm 1995-2012, diện tích ngô tăng của Sơn La tăng mạnh và chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng diện tích ngô của cả nước. Năm 2012, diện tích gieo trồng đạt 168,7 nghìn ha (chiếm 14,6% diện tích ngô trồng cả nước) với sản lượng 667,3 nghìn tấn. Hơn 80% sản lượng ngô hàng năm được mua, bảo quản bởi nông dân và thương lái địa phương, sau đó bán cho các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi ngoài tỉnh. Tuy nhiên, từ năm 2015, chính sách nông nghiệp tại Sơn La có sự chuyển đổi mạnh mẽ. Việc chuyển đổi cây trồng trên

đất dốc (đang trồng ngô, lúa nương, sắn) sang trồng cây ăn quả và nhiều loại cây khác đang được thực hiện trên quy mô toàn tỉnh. Theo đó, các chính sách này có những tác động mạnh mẽ đến sản xuất ngô tại Sơn La, dẫn đến sự sụt giảm về diện tích và sản lượng ngô của tỉnh. Giai đoạn 2015-2020, diện tích trồng ngô giảm từ 159,9 nghìn ha (2015) xuống còn 84,6 nghìn ha (2020), giảm khoảng 47%. Năm 2020, diện tích ngô chỉ còn 84,6 nghìn ha, giảm gần 50% so với năm 2012 (Hình 2).



Hình 2. Diện tích và sản lượng ngô tại Sơn La giai đoạn 1995-2020

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2020), Sở NN&PTNT Sơn La (2021) [10; 15]

Tổng diện tích chuyển đổi từ trồng ngô sang trồng cây ăn quả tính đến cuối năm 2018 là 23.578 ha (chiếm 92,8% diện tích đất được chuyển đổi). Ngoài lý do về chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng của tỉnh, nguyên nhân của sự suy giảm diện tích canh tác và sản lượng ngô tại Sơn La là do hiệu quả thấp bởi cây ngô chủ yếu được trồng trên đất dốc, đất thường xuyên bị rửa trôi, bạc màu nên phải đầu tư giống mới, phân bón, thuốc trừ sâu nhiều. Trong khi đó, giá bán ngô thấp và không ổn định (dao động từ 4.000-4.700 đồng/kg), việc tiêu thụ sản phẩm ngày càng khó khăn, thu nhập của người dân không đủ chi phí. Vì vậy, tại nhiều vùng người dân bỏ canh tác ngô để chuyển sang trồng cây ăn quả và một số loại cây khác. Hiệu suất đồng vốn từ canh tác ngô thấp hơn nhiều so với các loại cây trồng khác như mận (3,98), đào (4,28), nhãn (5,66), lúa nương (4,33) [6]. Một số địa phương như Mộc Châu, Yên Châu, Vân Hồ chuyển từ trồng ngô lấy hạt sang trồng ngô sinh khối bởi hiệu quả kinh tế cao hơn từ 1,5-2 lần so với trồng ngô lấy hạt.

3.2. Các chính sách liên quan đến sản xuất ngô bền vững tại Sơn La

3.2.1. Chính sách về quy hoạch

Bảng 1. Các chính sách quy hoạch và định hướng phát triển liên quan đến cây ngô

Chính sách	Nội dung có liên quan đến cây ngô
Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 23/12/2009 về đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia	Đến năm 2020, tăng diện tích trồng ngô lên 1,3 triệu ha, sản lượng 7,5 triệu tấn.
Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp cả nước	Mở rộng diện tích ngô bằng cách tăng diện tích vụ đông ở đồng bằng sông Hồng và tăng diện tích ngô trên các vùng trồng lúa một vụ ở vùng trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Quy hoạch diện tích ngô sau năm 2020 ở mức khoảng 1,44 triệu ha, tập trung vào thâm canh ngô để đảm bảo khoảng 80% nguyên liệu thô cho ngành chế biến thức ăn chăn nuôi.
Quyết định số 824/QĐ-BNN-TT ngày 16/4/2012 về việc phê duyệt đề án phát triển ngành trồng trọt đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Mục tiêu sau năm 2020, diện tích sản xuất ngô ổn định 1,44 triệu ha với sản lượng 7,5 triệu tấn, đáp ứng khoảng 80% nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi. Các tỉnh trung du miền núi phía Bắc được xác định là một trong bốn vùng sản xuất ngô chính của cả nước và được định hướng mở rộng diện tích gieo trồng.
Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013 chương trình hành động thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	Nhiệm vụ đến năm 2020, ngô là một trong những loại cây trồng được khuyến khích tập trung phát triển sản xuất với quy mô lớn để làm thức ăn chăn nuôi dựa trên cơ sở diện tích hiện có và mở rộng diện tích trên đất trồng lúa kém hiệu quả.
Quyết định số 1006/QĐ-BNN-TT ngày 13/5/2014 về kế hoạch hành động thực hiện tái cơ cấu sản xuất cây trồng trong giai đoạn 2014-2015 và giai đoạn 2016-2020	Nhiệm vụ giai đoạn 2014-2020, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với thị trường trên cơ sở phát huy lợi thế các vùng, miền tập trung các sản phẩm đang nhập khẩu lớn (bao gồm ngô), áp dụng giống ưu thế lai, ngô chuyển gen; tăng cường bảo quản, chế biến giảm tổn thất sau thu hoạch.
Quyết định số 5448/QĐ-BNN-TT ngày 28/12/2016 phê duyệt kế hoạch quốc gia về sản xuất ngô đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Ba quan điểm chính gồm: (i) Phát triển sản xuất ngô trên cơ sở áp dụng các gói kỹ thuật đồng bộ; (ii) Phát triển sản xuất ngô trên cơ sở liên kết giữa nhà sản xuất/HTX với doanh nghiệp; (iii) Huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất và chế biến các sản phẩm ngô. Ưu tiên đầu tư vào nghiên cứu và chuyển giao công nghệ sản xuất, sấy khô và bảo quản ngô. Mục tiêu năm 2020, diện tích trồng ngô cả đạt khoảng 1.160-1.265 nghìn ha, sản lượng từ 5,4-5,8 triệu tấn, giá trị sản xuất đạt 28 triệu đồng/ha/vụ. Đến năm 2030, diện tích ổn định khoảng 950-1.100 nghìn ha, năng suất khoảng 5,0-5,7 triệu tấn, giá trị sản xuất đạt khoảng 35-40 triệu đồng/ha.
Quyết định số 20/2007/QĐ-BNN ngày 15/3/2007 về phê duyệt chiến lược quốc gia sau thu hoạch lúa gạo, ngô, đậu tương và lạc đến năm 2020	Mục tiêu đến năm 2020, tổn thất sau thu hoạch còn từ 8-9%, tăng tỷ lệ cơ giới hóa khâu thu hoạch lên 40% tổng diện tích ngô hàng hóa; tỷ lệ cơ giới hóa khâu bóc bẹ, tẽ hạt đạt 80% sản lượng; khoảng 70% diện tích ngô hàng hóa được cơ giới hóa khâu thu hoạch, trên 90% lượng ngô hàng hóa được bảo quản trong hệ thống kho hiện đại.

Ở cấp Trung ương, một số quy hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp đã nhấn mạnh phát triển cây ngô như một loại cây trồng chủ lực của Việt Nam. Chính sách này đã chỉ rõ mục tiêu về diện tích, sản

lượng và các định hướng để đạt được các mục tiêu đó (Bảng 1). Theo đó, quan điểm xuyên suốt trong các quy hoạch liên quan đến cây ngô là phát triển, mở rộng diện tích trồng ngô theo chuỗi giá trị, áp dụng khoa học công nghệ vào trong sản xuất, bảo quản, chế biến như Quyết định số 124/QĐ-TTg, ngày 02/02/2012 sau năm 2020 cần tăng diện tích ở mức 1,44 triệu ha, năng suất ngô bình quân toàn quốc là 5,87 tấn/ha, sản lượng ngô cần đạt là 8,5 triệu tấn. Tuy nhiên, đến năm 2020, diện tích trồng ngô mới đạt 955,5 nghìn ha (khoảng 79%) và sản lượng ngô đạt 4,59 triệu tấn (khoảng 82%) so với quy hoạch.

Tại Sơn La, hiện chưa có quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp của tỉnh mà địa phương thực hiện quy hoạch theo từng ngành và sản phẩm nông nghiệp. Cho đến thời điểm hiện tại, Sơn La không có chính sách phát triển hay hỗ trợ cho cây ngô mà chủ yếu là các chính sách về chuyển đổi cây trồng trên đất dốc sang trồng các loại cây ăn quả, trong đó chủ yếu là từ đất trồng ngô như Kết luận số 121-TB/TU ngày 30/11/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La; Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 4 tháng 4 năm 2018 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp trong “Đề án phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020”; Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ HTX trồng cây ăn quả, cây dược liệu dưới tán cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2017-2021.

3.2.2. Chính sách về đất đai

Trên địa bàn tỉnh Sơn La, việc thực hiện Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và các Nghị định số 20/2011/NĐ-CP về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp; Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa đã được thực hiện tốt. Tuy nhiên, việc triển khai một số chính sách khác liên quan đến đất đai vẫn còn gặp khó khăn/bất cập như Quyết định số 915/QĐ-TTg về hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô. Theo quy định này, người sản xuất khi chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô được hỗ trợ không quá 3 triệu đồng/ha/lần. Tuy nhiên, thực tiễn tại Sơn La cho thấy, nhiều hộ có diện tích chuyển đổi rất thấp, mức hỗ trợ tính ra chỉ từ 4.000-5.000 đồng/hộ, cao nhất là 500 nghìn đồng/hộ nhưng yêu cầu phải làm đầy đủ hồ sơ nên người dân không muốn tham gia. Tại nhiều huyện, do diện tích trồng lúa ổn định (cả lúa nước và lúa nương) nên

không triển khai Quyết định này tại địa phương. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ về đất đai đối với HTX như Nghị quyết số 55/2010/QH12 của Quốc hội và Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 khi triển khai tại Sơn La còn gặp nhiều khó khăn. Dù các chính sách này quy định ưu đãi về đất đai đối với HTX nhưng vẫn thiếu các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ cụ thể cho địa phương thực hiện. Ngoài ra, còn có sự chồng chéo giữa các quy định của pháp luật hiện hành về chính sách hỗ trợ đất đai cho các HTX. Nhiều HTX gặp khó khăn trong việc tiếp cận đất đai theo Luật HTX do phần lớn quỹ đất công của địa phương đã được cho thuê, không còn đất hỗ trợ cho các HTX. Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn cũng được khuyến khích theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP. Nghị định này hiện vẫn chưa được áp dụng tại Sơn La do không có đơn vị nhận hỗ trợ.

3.2.3. Chính sách về tín dụng

Về chính sách tín dụng đối với hộ gia đình, nghiên cứu cho thấy, mặc dù Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT và Ngân hàng Chính sách Xã hội đã cung cấp các gói hỗ trợ tín dụng nhưng tín dụng phi chính thức (được thương lái cung cấp) vẫn là lựa chọn chủ yếu của các hộ dân. Theo kết quả thảo luận với các hộ nông dân trồng ngô, lý do là thời gian trả nợ ngân hàng chưa hợp lý hoặc người dân không có khả năng tiếp cận với nguồn tín dụng chính thức (không có tài sản thế chấp, có lịch sử nợ xấu) nên họ vẫn chọn nguồn tín dụng phi chính thức chấp nhận mức lãi suất cao hơn nhiều. Kết quả này cũng tương đồng với phát hiện của Karimov và cộng sự (2016) khi phân tích chuỗi giá trị ngô tại Sơn La [5]. Ngọc và cộng sự (2018) cũng có phát hiện tương tự tại Yên Châu [8]. Theo đó, trên 50% các hộ trồng ngô không có khả năng tiếp cận được với khoản vay từ ngân hàng. Hiện tại, nông dân chủ yếu dựa tín dụng phi chính thức để mua nguyên liệu đầu vào (hạt giống, phân bón và thuốc trừ sâu). Đồng thời, việc thiếu vốn sản xuất, chi phí đầu vào tăng nhanh, đặc biệt là giống và phân bón là một trong những thách thức mà nông dân trồng ngô Sơn La đang gặp phải [7].

Đối với các hợp tác xã (HTX), quá trình tham vấn chuyên gia cũng chỉ ra rằng, các HTX hiện tại rất khó để tiếp cận với các khoản tín dụng để xây dựng cơ sở vật chất, ứng dụng kỹ thuật, phát triển kinh tế HTX theo quy định của Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP. Nguyên nhân là do

muốn vay vốn đều phải có tài sản bảo đảm. Trong khi đó, các HTX hiện nay hầu hết đều chưa có trụ sở chính thức, chủ yếu là đi thuê, đi mượn, nên không có tài sản đảm bảo hoặc tài sản đảm bảo không có giá trị lớn. Do các HTX có năng lực tài chính, công nghệ và quản lý rất hạn chế nên khó có thể đáp ứng được điều kiện để vay vốn.

Việc hỗ trợ mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, hiện Sơn La đang thực hiện theo Quyết định số 497/QĐ-TTg năm 2009 (sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 2213/QĐ-TTg năm 2009). Tuy nhiên, chính sách này chủ yếu mới được thực hiện với đối tượng là người dân có nhu cầu mua xe tải nhẹ, trọng tải dưới 5 tấn với số tiền vay trên 200 triệu, còn lại các nội dung khác không thực hiện được. Nguyên nhân chính của việc chậm triển khai rộng rãi chính sách này tới các đối tượng là do thủ tục, quy định vay vốn quá chặt chẽ (như phải có tài sản thế chấp, phải lập kế hoạch sử dụng, máy móc phải lắp ráp trong nước có tỷ lệ nội địa hóa từ 40% trở lên, thời hạn vay ngắn).

Về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, hiện chính sách cũng chậm được triển khai tại Sơn La. Nguyên nhân chính khiến người dân không tiếp cận được các hỗ trợ này là do thủ tục vay vốn rườm rà, quy định chỉ được giải ngân khoản vay 70% giá trị của máy móc và phải mua máy mới 100%. Trong khi hiện người dân chủ yếu sử dụng các máy do Trung Quốc sản xuất có giá thành thấp nhưng lại có nhiều tính năng phù hợp với điều kiện canh tác hoặc các máy móc đã qua sử dụng có xuất xứ từ Nhật Bản. Việc phải lấy hoá đơn minh chứng (với thuế VAT từ 5-10%) cũng khiến người dân không mặn mà với chính sách. Chính sách bảo hiểm nông nghiệp đang áp dụng đối với 7 loại cây trồng theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 nhưng ngô không nằm trong danh mục đối tượng này.

3.2.4. Chính sách về khoa học công nghệ

Trong giai đoạn từ năm 2008-2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành khoảng 30 Thông tư hướng dẫn thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tuy nhiên ở quy mô địa phương, hiện chưa có chính sách riêng biệt về hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào nông nghiệp. Giai đoạn 2014-2019, đã có 46 đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp được triển khai tại tỉnh với kinh phí gần

52 tỷ đồng [16]. Tuy nhiên, các dự án này mới chỉ tập trung chủ yếu vào cây ăn quả và một số vật nuôi. Trong khi đó, việc canh tác ngô tại Sơn La chủ yếu dựa vào điều kiện tự nhiên, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến nông sản còn thấp. Canh tác ngô vẫn theo mô hình truyền thống, manh mún và không ổn định dẫn tới chi phí sản xuất ngô cao, dao động từ 4.000-4.700 đồng/kg (tại thời điểm nghiên cứu năm 2020). Điều này dẫn tới ngô trong nước rất khó cạnh tranh đối với ngô nhập khẩu.

Tại Sơn La, các chính sách khuyến khích xây dựng mới các cơ sở chế biến nông sản gắn với vùng nguyên liệu; bảo quản, chế biến sản phẩm; ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất chế biến đều không có ngô. Hiện tại, Sơn La vẫn chưa có hệ thống kho lưu trữ dành cho việc bảo quản ngô. Trong khi đó, mục tiêu đến năm 2020, 90% ngô hàng hóa phải được bảo quản trong hệ thống kho hiện đại (Quyết định số 20/2007/QĐ-BNN). Đồng thời, trên địa bàn tỉnh vẫn chưa có các cơ sở chế biến các sản phẩm từ ngô.

3.2.5. Chính sách về khuyến nông

Trong thời gian qua, hoạt động khuyến nông tại Việt Nam đang căn cứ vào 3 văn bản chính, bao gồm: (i) Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN năm 2010 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông; (ii) Quyết định số 1258/QĐ-BNN-KHCN năm 2013 về chương trình khuyến nông Trung ương trọng điểm giai đoạn 2013-2020; (iii) Nghị định số 83/2018/NĐ-CP năm 2018 về khuyến nông.

Mặc dù Sơn La đã có Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc hỗ trợ phát triển các loại cây trồng, tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2021; Quyết định số 3528/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La ngày 23 tháng 12 năm 2014 về việc Phê duyệt Đề án “Phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất nông sản hàng hóa của tỉnh Sơn La đến năm 2020” và Quyết định số 490/QĐ-UBND năm 2019 của UBND tỉnh về việc ban hành phương án hỗ trợ cho doanh nghiệp, HTX sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020 nhưng cho đến nay, tỉnh vẫn chưa có chính sách cụ thể khuyến khích các cơ quan nghiên cứu khoa học, công nghệ liên kết với HTX, chuyển giao thành tựu khoa học công nghệ cho HTX, khai thác và sử dụng nguồn nguyên liệu có sẵn tại địa phương. Kết quả tham vấn

lãnh đạo tại địa phương cho thấy, năng lực của cán bộ khuyến nông ở một số địa bàn còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, khả năng truyền đạt và tuyên truyền cho người dân còn hạn chế. Chế độ lương và đãi ngộ cho cán bộ khuyến nông thấp (khoảng 2,2 triệu đồng/người) dẫn tới cán bộ không nhiệt tình. Ngoài ra, còn bất cập trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đơn đặt hàng cho các trung tâm kỹ thuật và dịch vụ nông nghiệp của các huyện để tạo nguồn thu và chi trả các chi phí của các đơn vị này. Tuy nhiên, hiện tại tất cả các nhiệm vụ khuyến nông đều chuyển về Phòng Nông nghiệp huyện trong điều kiện Phòng không đủ nhân sự triển khai thực hiện, dẫn đến các công việc bị ngưng trệ. Về quyền hạn kiểm tra, giám sát giống cây trồng, các trung tâm chỉ được phép kiểm tra hồ sơ mà không được giám sát, kiểm tra chất lượng các loại giống do các cơ sở cung cấp.

Một điểm đáng chú ý khác là nguồn vốn được hỗ trợ trong các chương trình giảm nghèo như Chương trình 135 đối với cây ngô hiện nay đã chuyển sang các giống cây công nghiệp và cây ăn quả. Các chương trình tập huấn cho nông dân về trồng, chế biến và tiêu thụ ngô còn ít, chủ yếu là các hội thảo giới thiệu sản phẩm giống của các công ty, tập đoàn khảo nghiệm tổ chức để thực hiện bán giống.

3.2.6. Chính sách về thị trường

Việc cắt giảm thuế quan trong các hiệp định thương mại quốc tế vừa đem lại cơ hội nhập khẩu ngô cho Việt Nam nhưng cũng tạo ra những thách thức không nhỏ cho sản xuất ngô tại Việt Nam khi thuế quan nhập khẩu chỉ còn từ 0-5% so với 15-20% so với trước, làm cho giá ngô nhập khẩu chỉ ngang bằng, hoặc thậm chí còn rẻ hơn so với giá ngô trong nước [12]. Đồng thời, việc các nước áp dụng chủ nghĩa trọng thương (neomercantilism) để bảo vệ thị trường nông sản của họ khi tham gia vào các hiệp định thương mại cũng như việc áp dụng các biện pháp kiểm soát an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật của Việt Nam còn nhiều khoảng trống gây áp lực lớn đến sản xuất/xuất khẩu ngô nội địa.

Theo kết quả tham vấn chuyên gia, hệ thống các chính sách về thị trường có nhiều nhưng khi triển khai tại địa phương còn hạn chế, tác động của các chính sách này còn mờ nhạt. Nhiều hỗ trợ ở tầm vĩ mô vẫn đang bị “định hướng treo” khi không đi vào thực tiễn do thiếu chính sách cụ thể của địa phương. Ví dụ, chính sách tiêu thụ nông sản qua hợp đồng được quy định tại Quyết định 80/2002/QĐ-TTg,

trong đó các điều kiện hỗ trợ nông dân tiêu thụ sản phẩm là khá đầy đủ (về đất đai, vốn tín dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật...). Tuy nhiên, quyết định chỉ dừng lại ở mức “tạo điều kiện thuận lợi” cho nông dân và doanh nghiệp. Quyết định này mãi cho tới năm 2013 mới được thay thế bằng Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Đến năm 2018, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ban hành thay thế Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg. Tuy nhiên, đến hết năm 2019, Nghị định này vẫn chưa được triển khai tại Sơn La do chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện dẫn tới quá trình thực hiện tại địa phương còn lúng túng [16]. Đến năm 2020, HĐND tỉnh Sơn La mới ban hành Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND để thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản nói chung để triển khai Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

Qua tham vấn ý kiến chuyên gia và cán bộ quản lý tại địa phương cho thấy, chính sách về thị trường nông sản cũng là nhóm chính sách hỗ trợ yếu nhất trong toàn bộ chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp, trong đó có ngô. Việc thiếu các chế tài và thực thi chính sách kém hiệu quả cũng dẫn đến tình trạng hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa HTX/tổ hợp tác và doanh nghiệp có hiệu lực không cao. Tình trạng phá vỡ hợp đồng cũng là hiện tượng khá phổ biến, chưa khuyến khích các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản ký hợp đồng trực tiếp với nông dân thông qua HTX.

Một trong những vấn đề đang gặp khó khăn của Sơn La là thực hiện truy xuất nguồn gốc xuất khẩu nông sản bao gồm mã vùng, mã xưởng, tem truy xuất nguồn gốc. Điều 64 của Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 đã có quy định về quản lý và cấp mã số vùng trồng nhưng quá trình thực hiện tại địa phương còn nhiều vướng mắc, đặc biệt là đối với việc xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường khó tính.

3.3. Khuyến nghị

3.3.1. Chính sách về quy hoạch

Hiện tại, do giá cả và hiệu quả kinh tế của cây ngô so với các cây trồng khác khá thấp nên xu hướng diện tích trồng ngô có thể tiếp tục giảm. Điều này dẫn đến nguy cơ các chính sách lớn của Chính phủ

không thực hiện được. Chính vì vậy, để các chiến lược và quy hoạch tương tự có thể thực thi hiệu quả, cần có những nghiên cứu và điều chỉnh các nội dung của chiến lược hay quy hoạch/kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn của địa phương. Trong đó, cần xem xét quy hoạch vùng trồng ngô sinh khối, ngô lấy hạt và xen canh ngô với các loại cây trồng khác đảm bảo ổn định sản xuất, ổn định sinh kế cho người dân, đồng thời cải tạo đất, chống xói mòn ở những vùng đất dốc.

3.3.2. Chính sách về đất đai

Một trong những lý do khiến các cây nông nghiệp, mà cụ thể hơn ngô không thể trở thành cây trồng thế mạnh mặc dù sở hữu rất nhiều lợi thế mà ít nước trên thế giới có được là bởi sản xuất manh mún. Vì vậy, cần xem xét xây dựng chính sách hỗ trợ các cá nhân đăng ký làm trang trại, gia trại tích tụ đất nông nghiệp cũng như có chính sách hỗ trợ các HTX, liên hiệp HTX thuê đất nông nghiệp của các hộ nông dân để sản xuất quy mô lớn.

3.3.3. Chính sách về tín dụng

Khuyến khích đa dạng các hình thức về tín dụng cho các tổ chức nông dân tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho các hộ nông dân như thành lập và vận hành nhóm tiết kiệm - vay vốn tại các thôn/bản (VSLA). Tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách về tín dụng hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng thời hạn hỗ trợ, giảm bớt thủ tục cho vay, mở rộng hạn mức cho vay đối với các hộ nông dân/HTX phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt ngắn hạn và trung hạn. Nghiên cứu chính sách chuyển từ hỗ trợ sau đầu tư sang hỗ trợ trước đầu tư và hỗ trợ trực tiếp.

3.3.4. Chính sách về khoa học, công nghệ

Xây dựng và ban hành các chính sách và chương trình cụ thể hỗ trợ nghiên cứu, xác định các công nghệ và kỹ thuật phù hợp với từng vùng, từng loại cây trồng về canh tác, sản xuất và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch. Trong các chương trình đó cần có chính sách khuyến khích sự tham gia của nhiều bên, từ các nhà làm chính sách, các doanh nghiệp, người nông dân, các chuyên gia công nghệ, nhà nghiên cứu và các đối tác khác. Đại diện chính quyền sẽ đứng ra đóng vai trò kết nối cũng như cung cấp các hỗ trợ cần thiết. Các hỗ trợ này có thể dưới dạng cung cấp/hỗ trợ đất đai để thử nghiệm, xây dựng các

cơ sở hạ tầng cần thiết, tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao kiến thức và phổ biến công nghệ cho doanh nghiệp và người nông dân, hỗ trợ xây dựng các nền tảng công nghệ và thu thập các số liệu cần thiết.

Tháo dỡ các rào cản về tiếp cận đất đai, tín dụng, thông tin chính sách để thu hút các doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân trong nước đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra, cần xây dựng hệ thống văn bản pháp lý quy định cụ thể về sự hỗ trợ của Nhà nước đối với những nghiên cứu tự phát, sáng kiến của người dân. Đặc biệt là quy định về sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho những nghiên cứu đó.

3.3.5. Chính sách về khuyến nông

Nghiên cứu áp dụng cơ chế đầu tư phân cấp trọn gói cho cấp xã, để cấp xã có thể chủ động ký hợp đồng với các dịch vụ khuyến nông theo nhu cầu của người dân. Đồng thời, xây dựng quy chế phối hợp cụ thể giữa các bên liên quan ở các cấp tỉnh và huyện để tư vấn, lập kế hoạch, lồng ghép vốn, giám sát và đánh giá các hoạt động khuyến nông và hỗ trợ sản xuất của các bên trên địa bàn từ các Chương trình 135, 30a, Chương trình Nông thôn mới và các chương trình-dự án khác như dạy nghề nông nghiệp.

Nghiên cứu, tập huấn cho nông dân các mô hình, biện pháp canh tác ngô bền vững trên đất dốc như sản xuất xen canh giữa trồng ngô và các cây trồng khác để đảm bảo vừa cải thiện dinh dưỡng đất, chống xói mòn và tạo thêm thu nhập cho người dân nhưng vẫn đảm bảo sản lượng ngô, kết hợp mô hình trồng cây ăn quả và các cây trồng khác trong đó có ngô để đảm bảo tính bền vững cho sản xuất. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ các giống ngô đưa vào canh tác.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các phương tiện truyền thông đại chúng và báo in dường như không hiệu quả đối với các hộ dân vì thông tin thường đa dạng và đa mục đích nhưng thiếu chi tiết. Do đó, cần thay đổi cách thức truyền thông và nội dung truyền thông phù hợp với người dân, có thể xem xét các hình thức như thông qua họp thôn/bản, loa phát thanh.

3.3.6. Chính sách về thị trường

Hiện tại, theo các cam kết quốc tế, dòng thuế quan đối với ngô nhập khẩu chỉ từ 0-5%. Vì vậy, cần nghiên cứu, xây dựng, triển khai một cách hiệu quả

hàng rào bảo hộ mậu dịch (hạn ngạch, hạn chế xuất khẩu tự nguyện, trợ cấp xuất khẩu, tiêu chuẩn kỹ thuật) đối với ngô nhập khẩu để hỗ trợ sản xuất ngô trong nước. Theo đó, tập trung vào xây dựng hạn ngạch nhập khẩu phù hợp; thiết lập, triển khai các hàng rào kỹ thuật đối với mặt hàng ngô nhập khẩu bởi: (i) hiện tại, ngô hạt là một trong những hàng hóa không áp dụng hạn ngạch thuế quan; (ii) ngô hạt hiện là đối tượng hàng hóa phải kiểm dịch thực vật, kiểm tra chất lượng (trường hợp nhập khẩu làm thức ăn chăn nuôi), kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trước khi thông quan (trường hợp nhập khẩu làm thực phẩm).

Hỗ trợ các dịch vụ thông tin thị trường cho các tổ chức nông dân và HTX thông qua các chương trình phổ biến thông tin, kiến thức, nâng cao năng lực và hỗ trợ các tổ chức nông dân trong các nội dung tiếp cận thị trường (đàm phán, mặc cả, ký kết hợp đồng), nâng cao kiến thức pháp luật, trợ giúp pháp lý; xây dựng, phát triển và quản trị tổ chức nông dân; trợ giúp kỹ thuật và tập huấn về các tiêu chuẩn kỹ thuật cho nông dân.

Địa phương cần có chính sách khuyến khích các xưởng chế biến, sơ chế nông sản lưu động gắn với vùng nguyên liệu của địa phương như các cơ chế hỗ trợ đặc thù liên quan đến thuế, các thủ tục đăng ký đầu tư xây dựng, lao động...

Ngoài ra, hợp tác liên kết nông dân là xu hướng phát triển mạnh mẽ trong tương lai, nhu cầu không chỉ từ phía nông dân mà còn từ phía doanh nghiệp, thị trường. Vì vậy, cần hình thành dịch vụ hỗ trợ HTX và các hình thức tổ chức nông dân khác ở địa phương. Bên cạnh đó cũng cần áp dụng các biện pháp phi kinh tế, các biện pháp mang tính cộng đồng hướng tới chuyển đổi hành vi của nông dân, thúc đẩy môi trường liên kết lành mạnh cho các bên tham gia.

4. KẾT LUẬN

Ngô là một trong những cây lương thực chính cho chăn nuôi và các mục đích khác ở Việt Nam nói chung và tỉnh Sơn La nói riêng. Đã có các chính sách vĩ mô nhằm thúc đẩy sản xuất ngô do các cơ quan Trung ương ban hành. Ở cấp địa phương, tỉnh Sơn La chưa có chính sách liên quan đến hỗ trợ phát triển sản xuất ngô. Bên cạnh đó, những chính sách liên quan đến ngô đã ban hành nhưng trong quá trình thực hiện còn bộc lộ những hạn chế và chưa phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương. Hơn nữa, các

chính sách sản xuất có nhiều nhưng lại thiếu chính sách về canh tác ngô bền vững là nguyên nhân gây ra hiện tượng xói mòn ở các khu vực canh tác ngô đặc biệt ở những vùng đất dốc. Về thị trường, có nhiều chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đã được đưa ra nhưng việc thiếu chính sách quản lý nhập khẩu ngô làm thức ăn chăn nuôi cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến giá ngô giảm trong thời gian qua.

Nhìn chung, chính sách liên quan đến ngô trong giai đoạn vừa qua chưa có tác động thúc đẩy sản xuất ngô bền vững. Vì vậy, cần có những nghiên cứu, điều chỉnh và bổ sung các chính sách cho phù hợp, đặc biệt là các chính sách về sản xuất và thị trường.

LỜI CẢM ƠN

Các tác giả trân trọng cảm ơn Ban quản lý Dự án SMCN-2014-049 về “Hỗ trợ cải thiện hệ thống sản xuất nông nghiệp dựa trên cây ngô ở Việt Nam và Lào”; các chuyên gia của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa; lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sơn La; lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Sơn La; lãnh đạo UBND và Phòng Nông nghiệp huyện Yên Châu, huyện Mộc Châu; lãnh đạo UBND, các đoàn thể, các hộ nông dân trồng ngô thuộc các xã Chiềng Hắc và Yên Sơn đã hỗ trợ, giúp đỡ chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2004). Thông tư số 58/2004/QĐ-BNN ngày 4/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành danh mục giống cây trồng chính.
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2010-2020). Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp từ năm 2010-2020.
3. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2019). Thông tư số 17/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về danh mục loài cây trồng chính.
4. ITC (2020). Số liệu thống kê về sản lượng ngô nhập khẩu thế giới năm 2019. Truy cập tại: <https://www.trademap.org/Index.aspx> (ngày truy cập: 15/07/2020).
5. Karimov, A., Thịnh, N. T., Cadilhon, J. J., Tung, H. T., Hai, D. T., Van Doan, V., & Duan, B. Q. (2016). Value chain assessment report for maize, pig,

plum and tea in Son La province of Northwest Vietnam. Truy cập tại: <https://hdl.handle.net/10568/71127>

6. Lương Đức Toàn (2016). *Nghiên cứu các yếu tố hạn chế trong đất nông nghiệp của Sơn La và đề xuất các giải pháp khắc phục*. (Luận án Tiến sĩ), Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội, Việt Nam.

7. Ngoc, D. V., & Thao, T. D. (2014). Research and suggest some solutions to develop maize production at the northwest region. *Journal of Science and Development*, 12(6), 862-868.

8. Ngoc, N. T. H., & Yokoyama, S. (2018). Influence of Trading Structure on Maize Seed Selection by Farmers in Vietnam: Case Study on Yen Chau District, Son La Province. *Geographical review of Japan series B*, 91(2), 40-53. doi:10.4157/geogrevjapanb.91.40.

9. Nguyễn Hồng Tín (2017). Tổng quan về ô nhiễm nông nghiệp ở Việt Nam: Ngành trồng trọt. Báo cáo được chuẩn bị cho Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Thế giới, Washington, D.C.

10. Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La (2021). Báo cáo tổng kết nông nghiệp, nông thôn năm 2020 và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2021.

11. Statista (2020). Số liệu thống kê về tiêu thụ ngô thế giới năm 2019. Truy cập tại:

<https://www.statista.com/statistics/691175/consumption-corn-worldwide-by-country/> (ngày truy cập: 16/5/2020)

12. Thủ tướng Chính phủ (2005). Quyết định số 46/2005/QĐ-TTg ngày 3 tháng 3 năm 2005 về việc điều chỉnh danh mục hàng nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan.

13. Tổng cục Hải quan (2011). Số liệu nhập khẩu hàng hóa tháng 12/2010 và cộng dồn đến hết năm 2010. Truy cập tại: [https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuanLichCongBo/Attachments/429/2010-T12T-15B\(VN-CT\).pdf](https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuanLichCongBo/Attachments/429/2010-T12T-15B(VN-CT).pdf) (ngày truy cập 30/04/2021)

14. Tổng cục Hải quan (2021). Số liệu nhập khẩu hàng hóa tháng 12/2020 và cộng dồn đến hết năm 2020. Truy cập tại: [https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuanLichCongBo/Attachments/1435/2020-T12T-2N\(VN-CT\).pdf](https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuanLichCongBo/Attachments/1435/2020-T12T-2N(VN-CT).pdf) (ngày truy cập 30/04/2021)

15. Tổng cục Thống kê (2020). Số liệu thống kê về diện tích và sản lượng ngô tại Sơn La từ năm 1995-2019. Truy cập tại: <https://www.gso.gov.vn/so-lieu-thong-ke/> (ngày truy cập: 30/4/2021)

16. UBND tỉnh Sơn La (2019). Báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản, chế biến và tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh từ năm 2014 đến năm 2019.

A STUDY OF POLICIES AFFECTING SUSTAINABLE MAIZE PRODUCTION IN SON LA, VIETNAM

Dang Thi Thanh Thuy, Tran Minh Tien, Oleg Nicetic, Nguyen Van Hieu

Summary

This study was conducted to analyze the agricultural policies (including agricultural planning, land use, extension, credit, science and technology, market) related to maize farming and production by a case study in Son La province. The study results show that, at the central level, the policies for maize-based sustainable development have been integrated in certain agricultural policies. At the local levels, there is no specific policy for maize. Only a few policies directly support maize production while some others are general regulations which are not consistent with local characteristics or specific crops as maize. Based on the analysis results, some specific recommendations are also proposed to the policy makers to encourage the success of the policies related to maize-based sustainable farming in Vietnam.

Keywords: *Agricultural policies, sustainable maize production, crop policies.*

Người phản biện: PGS.TS. Đào Thế Anh

Ngày nhận bài: 15/3/2021

Ngày thông qua phản biện: 15/4/2021

Ngày duyệt đăng: 22/4/2021